

Bản án số: 978/2024/HC-PT

Ngày: 10-9-2024

V/v Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Tuấn.

Các Thẩm phán: Ông Lê Hoàng Tấn.

Bà Trần Thị Thúy Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Kiên – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Tuyết – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 641/2024/TLPT-HC ngày 26/7/2024 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 39/2024/HC-ST ngày 14/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2739/2024/QĐPT-HC ngày 26 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Hoàng Văn Q, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ A, khu phố H, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (có mặt)

2. *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân thành phố B và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B; địa chỉ: A đường B, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Thanh D – Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

+ Ông Trần Thế T – Phó Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố B. (có mặt)

+ Ông Trần Chí T1 – Phó phòng nghiệp vụ - Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố B. (có mặt)

+ Ông Mạch Tuấn T2 – Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố B. (xin xét xử vắng mặt)

- *Người kháng nghị, kháng cáo:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; ông Hoàng Văn Q – Là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện là ông Hoàng Văn Q trình bày:

Năm 2003, gia đình ông sống trên diện tích đất 60m² thuộc thửa số 9, tờ bản đồ 134, phường L, thành phố B. Phần đất này có nguồn gốc là do ông nhận chuyển nhượng từ bà Võ Thị H (mẹ của ông Danh M) vào năm 2003 với giá 80.000.000 đồng, nhưng đến năm 2012 bà H mới viết giấy tay mua bán cho ông vì lúc đó ông mới trả hết tiền cho bà H. Khi mua đã có sẵn một căn chòi trên đất do bà H làm trước đó, sau đó ông đã sửa lại căn chòi này thành nhà xưởng để kinh doanh và để ở. Nhà đất diện tích 60m² có số nhà A đường N. Gia đình ông gồm 05 nhân khẩu.

Trong thông báo và xác nhận trả lời đơn cho ông, Công an Phường xác nhận gia đình ông tạm trú trước năm 2002, đến năm 2017 có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ trên; Ủy ban nhân dân (UBND) phường xác định gia đình ông có số nhà 217/UBND-VP ngày 04/5/5022.

Ngày 27/12/2019, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 8205/QĐ-UBND về việc thu hồi 154,7m² đất (trong đó có một phần diện tích đất nêu trên) tại phường L, thành phố B của ông Danh M để đầu tư công trình 20km đường nội thị thành phố B (giai đoạn 1), đường N, phường L, thành phố B (gọi tắt là Dự án).

Ngày 27/12/2019, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 8364/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông, theo đó, hộ của ông có giải tỏa nhà xưởng loại 2, diện tích giải tỏa nhà 27,7m², xây dựng năm 2003. Tổng kinh phí bồi thường 72.029.770 đồng. Ông không đồng ý với quyết định này nên đã làm đơn khiếu nại. Tại Quyết định số 6249/QĐ-UBND ngày 27/11/2023 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc giải quyết khiếu nại của ông đã bác đơn khiếu nại, giữ nguyên Quyết định số 8364/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND thành phố B.

Do đó, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: (i) Hủy Quyết định số 6249/QĐ-UBND ngày 27/11/2023 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc giải quyết khiếu nại của ông Hoàng Văn Q; (ii) hủy Quyết định số 8364/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND thành phố B về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với Ông Hoàng Văn Q; buộc UBND thành phố B giao cho gia đình ông 01 lô đất ở.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện trình bày:

Năm 2012, ông Hoàng Văn Q với bà Võ Thị H (mẹ của ông Danh M) có lập giấy viết tay mua bán đất, theo đó, bà H bán cho ông Q diện tích 60m² thuộc thửa 134, tờ bản đồ số 09, phường L với giá 80.000.000 đồng. Ông Danh M được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCNQSD) đất số CH339804 ngày 03/8/2017 đối với thửa đất số 134, tờ bản đồ số 09, phường L, diện tích 4.136,0m², gồm 100m² đất ở và 4.036,0m² đất nông nghiệp.

Ngày 31/10/2016, UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 3029/QĐ-UBND về việc phê duyệt Dự án, sau đó ban hành các thông báo về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án.

Ngày 27/12/2019, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 8205/QĐ-UBND về việc thu hồi 154,7m² đất tại phường L của ông Danh M, trong đó có diện tích 30m² đất bà H chuyển nhượng cho ông Q vào năm 2012. Cùng ngày, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 8365/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Danh M, theo đó ông M được bồi thường 154,7m² đất nông nghiệp đất với số tiền 288.051.400 đồng và hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm với số tiền 48.730.500 đồng; Quyết định số 8364/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với ông Hoàng Văn Q, theo đó ông Q được bồi thường nhà xưởng, vật kiến trúc với số tiền 72.029.770 đồng, không được bồi thường về đất.

Vào các ngày 22/10/2019 và 02/01/2020, ông Q có đơn đề nghị UBND xem xét giao cho ông 01 lô đất ở.

Ngày 09/3/2020, UBND thành phố B có Công văn số 1757/UBND-VP trả lời đơn đề nghị của ông Q với nội dung, không chấp nhận đề nghị.

Ngày 16/3/2020, ông Q có đơn khiếu nại Công văn số 1757, nhưng đến ngày 08/12/2021, ông Q có đơn xin rút đơn khiếu nại nêu trên nên ngày 16/12/2021, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 8888/QĐ-UBND về việc đình chỉ giải quyết đơn khiếu nại của Q.

Ngày 08/12/2021, ông Q tiếp tục có đơn đề nghị xem xét giao cho ông 01 lô đất ở nên ngày 21/12/2021 nên ngày 24/7/2023, UBND thành phố B ban hành Công văn số 7563/UBND-VP về việc trả lời đơn đề nghị đề ngày 08/12/2021 của ông Q với nội dung, không chấp nhận đề nghị, nhưng sau đó ban hành Quyết định số 4881/QĐ-UBND ngày 12/9/2023 về việc thu hồi, hủy bỏ Công văn này và giao cho Thanh tra thành phố Bà Rịa đã phối hợp Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố B, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố B, Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng thành phố B và UBND phường L tiến hành đối thoại với ông Q ngày 15/11/2023.

Từ những cơ sở trên, việc Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định số 6249/QĐ-UBND ngày 27/11/2023 về việc giải quyết khiếu nại của ông Q là đúng quy định của pháp luật. Do đó, ông Q đề nghị hủy Quyết định số 6249 nêu trên và Quyết định số 8364/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND thành phố B là không có cơ sở.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 39/2024/HC-ST ngày 14/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã quyết định (tóm tắt):

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn Q về việc: Hủy Quyết định số 6249/QĐ-UBND ngày 27/11/2023 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc giải quyết khiếu nại của ông Hoàng Văn Q; hủy Quyết định số 8364/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND thành phố B về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với ông Hoàng Văn Q; buộc UBND thành phố B giao cho gia đình ông Hoàng Văn Q 01 lô đất ở.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 28/5/2024, ông Hoàng Văn Q kháng cáo Bản án sơ thẩm, yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm với nội dung chấp nhận toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện.

Ngày 29/5/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có quyết định kháng nghị Bản án sơ thẩm, yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm để giải quyết sơ thẩm lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và đương sự đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông Danh M là người bị thu hồi đất, trong đó có phần đất đã chuyển nhượng cho ông Hoàng Văn Q vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Q nên đề nghị hủy Bản án sơ thẩm để giải quyết sơ thẩm lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn Kháng cáo của người khởi kiện là ông Hoàng Văn Q và Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu làm trong hạn luật định và hợp lệ nên chấp nhận.

[2] Xét kháng cáo của Người khởi kiện và kháng nghị của Viện kiểm sát, thấy rằng: Ngày 27/12/2019, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 8205/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích 154,7m² đất tại phường L của ông Danh M, trong đó theo xác nhận của ông Hoàng Văn Q, có khoảng 30m² đất bà H chuyển nhượng cho ông Q vào năm 2012. Cùng ngày, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 8365/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Danh M, theo đó ông M được bồi thường về đất (kể cả phần đất của ông Q bị thu hồi) với số tiền 288.051.400 đồng và hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm với số tiền 48.730.500 đồng; Quyết định số 8364/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với ông Hoàng Văn Q, theo đó ông Q được bồi thường nhà xưởng, vật kiến trúc với số tiền 72.029.770 đồng. Giữa ông M với ông Q có cam kết và thỏa thuận, ông M nhận tiền bồi thường về đất rồi giao lại cho ông Q. Trong thực tế, ông Q đã nhận được tiền bồi thường từ ông M là 81.015.000 đồng nên không yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền bồi thường về đất mà chỉ yêu cầu được cấp 01 lô đất tái định cư do hoàn cảnh gia đình hiện không có chỗ ở nào khác. Như

vậy, ông M không có quyền lợi hay nghĩa vụ liên quan trong vụ án này nên Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông M vào tham gia tố tụng là đúng.

[3] Theo Quyết định số 8365 về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Danh M, thì ông M được bồi thường 154,7m² đất nông nghiệp (đường loại 3, vị trí 1), do đó, phần đất của ông Q (nằm trong diện tích đất bị thu hồi) cũng là đất nông nghiệp, phù hợp với lời khai của ông Q trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm. Như vậy, trường hợp của ông Q (và cả ông M) không được bồi thường về đất ở theo quy định tại Điều 79 của Luật Đất đai năm 2013 (Bồi thường về đất khi nhà nước thu hồi đất ở) nên không đủ điều kiện để xem xét về tái định cư.

[4] Theo Quyết định số 52/2014/QĐ-UBND ngày 31/10/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, tại khoản 2 Điều 22 quy định: *“Trường hợp khi thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân đã áp dụng các khoản bồi thường, hỗ trợ theo quy định tại Điều 5 Quy định này và Khoản 1 Điều này; hoặc đối với trường hợp thu hồi nhiều đất nông nghiệp mà hộ gia đình, cá nhân vẫn còn khó khăn về chỗ ở và có nhu cầu về đất ở thì Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ vào quỹ đất ở hoặc nhà ở và tình hình thực tế tại địa phương, quyết định giao đất ở hoặc nhà ở theo thẩm quyền.”* Đây là quy định về chính sách hỗ trợ của địa phương về chỗ ở khi có nhu cầu, thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND thành phố B, chứ không phải quy định của pháp luật bắt buộc thực hiện giao đất ở cho người có đất bị thu hồi nên ông Q yêu cầu UBND thành phố B giao cho ông 01 lô đất tái định cư là không có cơ sở để chấp nhận.

[5] Như vậy, Quyết định số 8364/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND thành phố B về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với ông Hoàng Văn Q là đúng pháp luật nên Quyết định số 6249/QĐ-UBND ngày 27/11/2023 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc giải quyết khiếu nại của ông Hoàng Văn Q đối với Quyết định 8364 với nội dung không chấp nhận khiếu nại của ông Q là có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Người khởi kiện đối với Người bị kiện là đúng pháp luật.

[6] Do đó, kháng cáo của ông Q yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm; kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đề nghị hủy Bản án sơ thẩm để giải quyết sơ thẩm lại là không có cơ sở để chấp nhận.

[7] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa chưa phù hợp với nhận định trên nên không chấp nhận.

[8] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của Người khởi kiện không được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận nên Người khởi kiện phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính,

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện là ông Hoàng Văn Q. Không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà

Rịa – Vũng Tàu tại Quyết định số 372/QĐ-VKS-HC ngày 27 tháng 5 năm 2024. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 39/2024/HC-ST ngày 14-5-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Áp dụng: Điều 79 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 34 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về Án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn Q về việc yêu cầu hủy Quyết định số 6249/QĐ-UBND ngày 27/11/2023 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc giải quyết khiếu nại của ông Hoàng Văn Q; hủy Quyết định số 8364/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND thành phố B về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với ông Hoàng Văn Q; buộc UBND thành phố B giao cho gia đình ông Hoàng Văn Q 01 lô đất ở.

2. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí phúc thẩm: Ông Hoàng Văn Q phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hành chính phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tiền số 0000524 ngày 03/6/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Ông Hoàng Văn Q đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Cục THADS tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu VP; HSVA; NTK.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Tuấn